Báo cáo tài chính
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH KHANG CAPITAL TRADING PUBLIC

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01-02
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	03-04
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	05-06
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	07
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	08-17

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH KHANG CAPITAL TRADING PUBLIC
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Minh Khang Capital Trading Public ("Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

Công ty

Công ty Cổ phần Minh Khang Capital Trading Public (Tên cũ: Công ty Cổ Phần Cà Phê Thương Phú) được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3200474316, đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 10 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 13tháng 07 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh Cấp

Văn phòng Công ty đặt tại 705 Nguyễn Duy Trinh, Phường Bình Trưng Đông, TP Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Tuấn Thành	Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Minh Tuấn	Phó Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thị Thảo Nhi	Thành viên
Ông Khấu Minh Quân	Thành viên
Ông Phạm Mai Anh Tài	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Minh Tuấn	Tổng Giám đốc

Ban Kiểm Soát

Bà Lê Thị Bích Ngọc	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Thị Vân Tú	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Thành viên

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;

- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 03 năm 2023, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH KHANG CAPITAL TRADING PUBLIC

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN MINH KHANG CAPITAL TRADING PUBLIC
DN: C=VN, L=TPHCM, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN MINH KHANG CAPITAL TRADING PUBLIC, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:3200474316
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2023.07.27 16:19:22+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 11.1.0

TP Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 07 năm 2023

Thay mặt Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 3200474316 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN MINH KHANG CAPITAL TRADING PUBLIC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LÊ MINH TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH KHANG CAPITAL TRADING PUBLIC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**179,634,985,716**	**175,105,843,954**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	IV.1	**285,336,436**	**409,106,915**
Tiền	111		285,336,436	409,106,915
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**145,819,866,318**	**140,843,495,335**
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	IV.2	108,732,366,318	103,543,166,178
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	IV.3	87,500,000	300,329,157
Phải thu ngắn hạn khác	136	IV.4	37,000,000,000	37,000,000,000
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	**140**	IV.5	**33,486,307,210**	**33,706,477,257**
Hàng tồn kho	141		33,486,307,210	33,706,477,257
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**43,475,752**	**146,764,447**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	IV.8	11,788,638	
Thuế GTGT được khấu trừ	152		26,948,905	142,026,238
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	153		4,738,209	4,738,209
Giao dịch mua lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**			**14,408,334**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
Tài sản cố định	**220**	IV.6		
Tài sản cố định hữu hình	221			
- Nguyên giá	222			
- Giá trị hao mòn luỹ kế	223			
Tài sản dài hạn dở dang	**240**		-	-
Chi phí SXKD dở dang dài han	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	IV.7		-
Tài sản dài hạn khác	**260**			**14,408,334**
Chi phí trả trước dài hạn	261	IV.8		14,408,334
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**179,634,985,716**	**175,120,252,288**

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH KHANG CAPITAL TRADING PUBLIC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2023 VND	01/01/2023 VND
NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**31,320,451,372**	**27,124,543,640**
Nợ ngắn hạn	**310**		**31,320,451,372**	**27,124,543,640**
Phải trả người bán ngắn hạn	311	IV.9	26,533,201,039	22,436,439,166
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312			
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	IV.10	319,750,834	240,044,410
Phải trả người lao động	314		33,022,800	19,427,887
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	
Phải trả ngắn hạn khác	319		5,844,522	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	IV.11	4,428,632,177	4,428,632,177
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	**330**		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**148,314,534,344**	**147,995,708,648**
Vốn chủ sở hữu	**410**	IV.12	**148,314,534,344**	**147,995,708,648**
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		120,999,920,000	120,999,920,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*120,999,920,000*	*120,999,920,000*
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		4,428,632,177	4,428,632,177
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	421		**22,885,982,167**	**22,567,156,471**
- Lãi chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		22,567,156,471	21,853,381,735
- Lãi chưa phân phối năm nay	*421b*		318,825,696	713,774,736
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**179,634,985,716**	**175,120,252,288**

Người lập biểu	Phụ trách kế toán	Tổng Giám đốc
Nguyễn Lê Ngọc Như Tuyền	Nguyễn Lê Ngọc Như Tuyền	LÊ MINH TUẤN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 07 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH KHANG CAPITAL TRADING PUBLIC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này: Năm nay VND	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này: Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		**29,174,441,294**	**27,181,172,356**	**60,129,502,852**	**50,950,680,886**
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-		-	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**	V.1	**29,174,441,294**	**27,181,172,356**	**60,129,502,852**	**50,950,680,886**
Giá vốn hàng bán	11	V.2	28,751,983,070	26,954,796,823	59,063,590,157	50,124,745,662
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20= 10 - 11)	**20**		**422,458,224**	**226,375,533**	**1,065,912,695**	**825,935,224**
Doanh thu hoạt động tài chính	21		3,652	2,143	4,739	4,093
Chi phí tài chính	22	V.3	-		-	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		-		-	
Chi phí bán hàng	24				-	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		314,039,092	238,397,799	667,385,314	571,396,999
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	**30**		**108,422,784**	**(12,020,123)**	**398,532,120**	**254,542,318**
Thu nhập khác	31				-	
Chi phí khác	32					-
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**			-		-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**108,422,784**	**(12,020,123)**	**398,532,120**	**254,542,318**

(50 = 30 + 40)						
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.4	21,684,557		79,706,424	53,312,488
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
nghiệp	**60**		**86,738,227**	**(12,020,123)**	**318,825,696**	**201,229,830**
(60 = 50 - 51 - 52)						
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**					

Nguyễn Lê Ngọc Như Truyền

Người lập biểu

Nguyễn Lê Ngọc Như Truyền

Phụ trách kế toán

M.S.D.N: 3200474316 - C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN MINH KHANG CAPITAL TRADING PUBLIC * THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LÊ MINH TUẤN
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH KHANG CAPITAL TRADING PUBLIC

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này Năm nay VND	 năm trước VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	**01**	**398,532,120**	**254,542,318**
Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		
Các khoản dự phòng	03	-	
(Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	
(Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05	4,739	(4,093)
Chi phí lãi vay	06		
Các khoản điều chỉnh khác	07		
Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	**08**	**398,536,859**	**254,538,225**
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(4,861,293,650)	(37,265,763,411)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	220,170,047	(883,443,185)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải thuế thu nhập phải nộp)	11	4,116,201,308	37,624,408,245
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	2,619,696	
(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		
Tiền lãi vay đã trả	14	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**(123,765,740)**	**(270,260,126)**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		
Tiền thu từ TL, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4,739	4,093
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**4,739**	**4,093**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33		
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	**50**	**(123,770,479)**	**(270,256,033)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**409,106,915**	**547,046,646**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61	-	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	**70**	**285,336,436**	**276,790,613**

Nguyễn Lê Ngọc Như Truyền

Nguyễn Lê Ngọc Như Truyền

LÊ MINH TUẤN

Phụ trách kế toán | **Tổng Giám đốc**

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Minh Khang Capital Trading Public (Tên cũ: Công ty Cổ Phần Cà Phê Thương Phú) được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3200474316, đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 10 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 13tháng 07 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh Cấp

Văn phòng Công ty đặt tại 705 Nguyễn Duy Trinh, Phường Bình Trưng Đông, TP Thủ Đức, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 120.999.920.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 03 năm 2020 là 120.999.920.000 đồng, tương đương 12.999.992 cổ phần, mệnh giá: 10.000 VND/CP.

Lĩnh vực hoạt động

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất buôn bán cà phê

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

III. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính [kỳ hoạt động]. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi là dự phòng phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, nợ phải thu chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán, điều kiện lập dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 89/2013/TT-BTC hướng dẫn bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính. Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành. Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
Máy móc thiết bị	05 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
Tài sản cố định khác	03 - 05 năm

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian trả trước của chí phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các khoản phải trả thương mại, phải trả khác và chi phí phải trả

Các khoản phải trả thương mại, phải trả khác và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận hoặc chưa nhận được hóa đơn của nhà cung cấp.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí hoạt động tài chính (nếu lỗ).

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng

Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng
Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Công ty đã được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền , cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty.

Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty.

Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, thành viên của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và tương đương tiền

	30/06/2022	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt - VND	284,305,625	404,617,056
Tiền gửi ngân hàng	1,030,811	4,489,859
Tương đương tiền	-	-
	285,336,436	**409,106,915**

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2022	01/01/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương Mại Dịch Vụ Đầu Tư Tuấn Phát	11,875,265,096	37,668,265,096
Công ty CP Xây Dựng và Đầu Tư Mekong78	24,961,949,403	28,493,949,403
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thương Mại Nghinh Phong	14,079,355,451	18,381,355,451
Công ty Cổ Phần Thương Mại Dịch Vụ Phạm Hùng	10,923,242,651	11,342,829,471
Công Ty Cổ Phần GAMAWORLD	22,759,686,980	
Công Ty Cổ Phần TM Đầu Tư Kỷ Nguyên Mới	20,257,201,647	
Các khách hàng khác	3,875,665,090	7,656,766,757
	108,732,366,318	**103,543,166,178**

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2023
	VND	VND
Ứng trước tiền mua nông sản cho người nông dân		
Các khoản trả trước cho người bán khác		
	-	-

4. Phải thu ngắn hạn khác

	30/06/2022	01/01/2023
	VND	VND
Phải thu khác	37,000,000,000	37,000,000,000
	37,000,000,000	**37,000,000,000**

5. Hàng tồn kho

	30/06/2022	01/01/2023
	VND	VND
Thành phẩm	-	
Hàng hóa	33,486,307,210	33,706,477,257
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
	-	
	33,486,307,210	**33,706,477,257**

6. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	30/06/2022	01/01/2023
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	319,750,834	236,393,868
	319,750,834	**236,393,868**

7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	30/06/2022	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ khen thưởng phúc lợi	4,428,632,177	4,428,632,177
	4,428,632,177	**4,428,632,177**

8. Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2023	120,999,920,000	22,567,156,471	4,428,632,177	147,995,708,648
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-
Lãi trong năm	-	318,825,696	-	318,825,696
Tại 30/06/2023	**120,999,920,000**	**22,885,982,167**	**4,428,632,177**	**148,314,534,344**

Cổ đông	Giá trị vốn góp của cổ đông tại 31/12/2022 VND	Số lượng CP	Tỷ lệ

Các cổ đông	120,999,920,000	12,099,992	100%
	120,999,920,000	**12,099,992**	**100%**

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/CP.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
Vốn đầu tư của CSH		
Vốn góp đầu năm	120,999,920,000	120,999,920,000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	-	-
	120,999,920,000	120,999,920,000

Cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12,099,992	12,099,992
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12,099,992	12,099,992
- Cổ phiếu phổ thông	12,099,992	12,099,992
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12,099,992	12,099,992
- Cổ phiếu phổ thông	12,099,992	12,099,992
- Cổ phiếu ưu đãi		

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng hóa		
Doanh thu bán hàng	60,129,502,852	50,950,680,886
	60,129,502,852	**50,950,680,886**
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	**60,129,502,852**	**50,950,680,886**

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn bán hàng	59,063,590,157	50,124,745,662
	59,063,590,157	**50,124,745,662**

3. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí lãi vay	-	-
	-	-

4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**398,532,120**	**254,542,318**
Các khoản điều chỉnh tăng		
Chi phí không được khấu trừ thuế	-	-
Thu nhập tính thuế	**398,532,120**	**254,542,318**
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%

VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Thu nhập cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty trong năm như sau:

	Năm nay
	VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	-

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần. Tính đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này, không có sự kiện hay dấu hiệu nào ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty.

4. Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trong yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 07 năm 2023

Người lập biểu	Phụ trách kế toán	Tổng Giám đốc
Nguyễn Lê Ngọc Như Truyền	Nguyễn Lê Ngọc Như Truyền	LÊ MINH TUẤN